

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/HS-ST
Ngày 03 tháng 02 năm 2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chanh, ông Tường Duy Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại nhà tạm giữ Công an huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2021/QĐXXST - HS ngày 22 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thu D, sinh năm 1987 tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Tiểu khu XX, thị trấn N, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1960, con bà Nguyễn Thị O (Đã chết), chồng Hoàng Văn T, sinh năm 1982, có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 129/2017/HSST ngày 29/5/2017 Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/11/2020 đến nay, có mặt.

2. Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1993 tại huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1959, con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964, vợ Nguyễn Như Q (Đã ly hôn), chưa có con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/11/2020 đến nay, có mặt.

3. Hoàng Văn T, sinh năm 1992 tại huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nơi cư trú: Xóm T, xã B, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1967, con bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1969, chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/11/2020 đến nay, có mặt.

- *Bị hại*: Dương Văn T, sinh năm 1995, trú tại: Tiểu khu XX, thị trấn N, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thu D có quan hệ quen biết với Nguyễn Duy Đ, Hoàng Văn T, các đối tượng thường đi chơi với nhau.

Chiều ngày 14/11/2020 Nguyễn Thu D đến nhà Dương Văn T trú tại tiểu khu XX, thị trấn N, huyện Mộc Châu để mua gà thì nhìn thấy T cất tiền trong phòng ngủ nên nảy sinh ý định trộm cắp. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, D điều khiển xe máy biển kiểm soát 18D-155.71 đến nhà T, quan sát thấy nhà T có lắp camera ở phía trước cổng nên D dừng xe máy phía sau nhà, đứng lên xe máy trèo qua hàng rào để vào nhà đến chỗ phòng ngủ của T lấy một chiếc túi, bên trong có: Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 chiếc vòng cổ màu vàng; 01 chiếc nhẫn màu vàng; 01 chiếc móng bọc màu vàng cùng một số giấy tờ cá nhân. D tiếp tục đến tủ quần áo thấy 01 chiếc túi màu đỏ bên trong đựng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam, D lấy toàn bộ tài sản trên rồi đi ngoài điều khiển xe máy đi về, tại nhà D lấy tiền và tài sản cho vào túi màu đen rồi mang đến phòng trọ của Nguyễn Duy Đ và Hoàng Văn T, còn chiếc túi màu đỏ D để tại nhà.

Khi đến phòng trọ D đưa cho Đ và T cùng đếm số tiền do D trộm cắp được 10.420.000 đồng và nói cho T và Đ biết số tài sản do D vừa trộm cắp của gia đình Dương Văn T, D bàn bạc với T và Đ sẽ đi xe khách đến nhà T chơi. Cùng lúc đó con trai của D gọi điện nói cho D biết có người đến nhà tìm D, D nghĩ hành vi trộm cắp tài sản đã bị phát hiện nên D bàn với T đưa D đi bán số tài sản trộm cắp được, T đồng ý và thuê xe taxi cùng Đ và D đến cửa hàng buôn bán vàng Văn Phúc ở thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên gặp nhân viên của cửa hàng là Đinh Duy T và Trần Đình H tại đây D, T, Đ đã bán phần bọc vàng chiếc móng được 13.200.000 đồng; 01 chiếc nhẫn màu vàng được 1.000.000 đồng, khi mua bán T và H không biết là tài sản do trộm cắp mà có, sau khi mua được tài sản T và H đã chế biến số vàng trên thành sản phẩm chung của cửa hàng.

Số tiền trộm cắp và bán tài sản D, T, Đ đã sử dụng vào việc chi trả tiền phòng trọ, tiền taxi, chi tiêu trên đường còn lại 23.002.000 đồng, ngày 17/11/2020 Cơ quan điều tra đã thu giữ.

Sau khi phát hiện mất tài sản, ngày 15/11/2020 Dương Văn T có đơn trình báo đến Cơ quan điều tra Công an huyện Mộc Châu.

Ngày 15/11/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định nơi xảy ra vụ án là phòng ngủ của Dương Văn T. Quá trình khám nghiệm không phát hiện thu giữ đồ vật gì.

Ngày 17/11/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu tiến hành khám xét nơi ở của Nguyễn Thu D, kết quả thu giữ: 01 xe máy HONDA biển kiểm soát 18D1- 155.71; 01 số tiêm chủng mang tên Dương Vĩnh P; 01 chiếc áo màu xanh; 01 quần ni; 01 đôi giày vải màu đen.

Ngày 17/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu ra Yêu cầu Hội đồng định giá tài sản huyện Mộc Châu định giá tài sản gồm: 01 chiếc nhẫn vàng 0,5 chỉ loại 10K và 6,6 chỉ vàng loại 10K được chế tác hình đầu rồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 33 ngày 19/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Mộc Châu kết luận: 01 chiếc nhẫn vàng 0,5 chỉ loại 10K có giá trị 1.140.000 đồng; 6,6 chỉ vàng loại 10K được chế tác hình đầu rồng có giá trị 16.266.000 đồng, tổng giá trị định giá là 17.406.000 đồng.

Tổng số tiền và tài sản Nguyễn Thu D trộm cắp của Dương Văn T là: 27.826.000 đồng.

Bản cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La truy tố:

Nguyễn Thu D về tội: Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Nguyễn Duy Đ, Hoàng Văn T về tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thu D phạm tội: Trộm cắp tài sản; bị cáo Nguyễn Duy Đ, Hoàng Văn T về tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thu D từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Đ từ 09 đến 12 tháng tù; xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 09 đến 12 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (Phạt tiền) đối với các bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận Cơ quan điều tra đã trả cho anh Dương Văn T: Số tiền 23.002.000 đồng; 01 chiếc móng làm bằng nhựa; 02 chiếc túi và một số giấy tờ tùy thân của Dương Văn T.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 xe máy nhãn hiệu HONDA – Dream II, biển kiểm soát 18D1-155.71 thu giữ của bị cáo Nguyễn Thu D.

Tịch thu tiêu hủy: 01 khẩu trang, 01 mũ bảo hiểm, 01 áo khoác phao màu xanh, 01 đôi giày vải màu đen, 01 quần ni hoa văn kiểu da báo (Đều đã cũ và qua sử dụng).

Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Thu D số tiền 540.000 đồng, Nguyễn Duy Đ số tiền 539.000 đồng, Hoàng Văn T số tiền 539.000 để sung vào ngân sách Nhà nước.

- *Về trách nhiệm bồi thường dân sự:* Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận người bị hại Dương Văn T không yêu cầu các bị cáo bồi thường về thiệt hại.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm xử lý các vấn đề của vụ án, các bị cáo hoàn toàn nhất trí với quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát.

Các bị cáo có lời nói sau cùng xin được giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Mộc Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh và khung hình phạt áp dụng:* Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thu D, Nguyễn Duy Đ, Hoàng Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khẳng định việc khai báo là hoàn toàn tự nguyện và đúng với hành vi đã thực hiện, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản, lời khai người bị hại, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 14/11/2020 Nguyễn Thu D đã có hành vi lén lút bí mật trộm cắp của Dương Văn T số tiền 10.420.000 đồng; 01 chiếc nhẫn vàng và 6,6 chỉ vàng đã được chế tác có giá trị 17.406.000 đồng, với tổng giá trị chiếm đoạt là 27.826.000 đồng, hành vi của Nguyễn Thu D đã cấu thành tội: Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Hoàng Văn T và Nguyễn Duy Đ biết rõ tài sản do Nguyễn Thu D trộm cắp mà có, khi được D nhờ đem đi tiêu thụ, T đã đồng tình cùng D và Đ mang đi bán được số tiền 14.200.000 đồng, nhằm để được hưởng lợi. Hành vi của Hoàng Văn T và Nguyễn Duy Đ đã cấu thành tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Hoàng Văn T và Nguyễn Duy Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Thu D có 01 tiền án đã được xóa án tích, thấy rằng bị cáo đã được đi cải tạo giáo dục nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật. Các bị cáo Nguyễn Duy Đ, Hoàng Văn T chưa có tiền án, tiền sự nhưng bản chất ham chơi, lười lao động, không thể cải tạo tại địa phương. Do đó cần cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành người làm ăn lương thiện, có ích cho xã hội, mới đảm bảo tính chất nghiêm minh của pháp luật, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[3] *Về hình phạt bổ sung* : Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra và xét hỏi công khai tại phiên tòa thấy rằng các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung (Phạt tiền) đối với các bị cáo là phù hợp.

[4] *Về vật chứng*:

Đối với số tiền 23.002.000 đồng; 01 chiếc móng làm bằng nhựa; 02 chiếc túi và một số giấy tờ tùy thân của Dương Văn T, Cơ qua điều tra Công an huyện Mộc Châu thu giữ và đã ra Quyết định trả lại cho anh Dương Văn T. Xét thấy là tài sản hợp pháp của người bị hại bị chiếm đoạt, việc Cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu là đúng theo quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu HONDA – Dream II, biển kiểm soát 18D1-155.71 thu giữ của bị cáo Nguyễn Thu D, có căn cứ xác định là tài sản riêng hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thu D, bị cáo D dùng làm phương tiện để phạm tội, do đó cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 khẩu trang, 01 mũ bảo hiểm, 01 áo khoác phao màu xanh, 01 đôi giày vải màu đen, 01 quần nữ hoa văn kiểu da báo (Đều đã cũ và qua sử dụng) là những vật dụng của bị cáo Nguyễn Thu D sử hữu, bị cáo D không yêu cầu trả lại, mặt khác xét không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc nhẫn vàng 0,5 chỉ loại 10K và 6,6 chỉ vàng loại 10K, Cơ quan điều tra không thu giữ được, do vàng đã được chế tác thành sản phẩm chung. Người bị hại không có yêu cầu các bị cáo phải bồi hoàn giá trị chênh lệch.

Đối với số tiền 1.618.000 đồng do các bị cáo hưởng lợi trong việc phạm tội mà có, đã chi tiêu chung (trả tiền taxi, tiền phòng trọ và chi tiêu khác), người bị hại Dương Văn T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại, do vậy cần truy thu đối với các bị cáo để sung nộp vào ngân sách Nhà nước.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Người bị hại Dương Văn T đã nhận lại số tiền 23.002.000 đồng và các giấy tờ liên quan, anh T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về thiệt hại. Xét yêu cầu của anh Dương Văn T là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và đúng theo pháp luật, do vậy cần ghi nhận.

[6] Về các vấn đề khác:

Đối với Đinh Duy T và Trần Đình H khi mua bán tài sản không biết là tài sản do trộm cắp mà có, do đó Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Thời hạn tạm giam của các bị cáo còn dưới 45 ngày do đó Hội đồng xét xử ra quyết định tạm giam 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thu D phạm tội: Trộm cắp tài sản. Xử phạt Nguyễn Thu D 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (Phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy Đ, Hoàng Văn T phạm tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Đ 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2020.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (Phạt tiền) đối với các bị cáo.

3. *Về trách nhiệm bồi thường dân sự:* Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự: Ghi nhận bị hại anh Dương Văn T không yêu cầu các bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự.

4. *Về vật chứng:* Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy của Nguyễn Thu D 01 khẩu trang bằng vải trên có họa tiết hoa văn bông hoa và mặt thỏ; 01 mũ bảo hiểm, dạng mũ thời trang nữ, màu cà phê, có dòng chữ Flower; 01 áo khoác phao màu xanh, đen mặt trước có dòng chữ “PIERRE CARDIN PARIS; 01 đôi giày vải màu đen, đế bằng cao su màu trắng, cỡ giày 35/225; 01 quần nỉ hoa văn kiểu da báo (Đều đã cũ và qua sử dụng).

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước của Nguyễn Thu D: 01 xe máy nhãn hiệu HONDA – Dream, biển kiểm soát 18D1 – 155.71 màu sơn nâu, số khung 0809AY165052, số máy HAO8E- 1465073, xe không có gương chiếu hậu, xe đã qua sử dụng.

- Truy thu số tiền 1.618.000đ (*Một triệu sáu trăm mười tám nghìn đồng*) đòi các bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước. Theo phần: Bị cáo Nguyễn Thu D số tiền: 540.000đ (*Năm trăm bốn mươi nghìn đồng*); bị cáo Nguyễn Duy Đ số tiền 539.000đ (*Năm trăm ba mươi chín nghìn đồng*), Hoàng Văn T số tiền 539.000đ (*Năm trăm ba mươi chín nghìn đồng*).

- Chấp nhận Cơ quan điều tra Công an huyện Mộc Châu đã trả lại cho anh Dương Văn T: Số tiền 23.002.000đ (*Hai mươi ba triệu không trăm linh hai nghìn đồng*) và một số giấy tờ liên quan.

5. *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thu D, Nguyễn Duy Đ, Hoàng Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La ;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Công an huyện Mộc Châu;
- Chi cục THA huyện Mộc Châu;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đào Ngọc Hà